|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | | |  | | | | |
| **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN** | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **1.** | **Thông tin học phần:** | | | | | | | |
|  | **Tên học phần:** | | **KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  ***(Natural Resource and Environmental Economics)*** | | | | | |
|  | **Mã số:** | | EC504 | | | | | |
|  | **Thời lượng:** | | 2 (2-0) | | | | | |
|  | **Loại:** | | Bắt buộc | | | | | |
|  | **Trình độ đào tạo:** | | Thạc sĩ | | | | | |
|  | **Đáp ứng CĐR:** | |  | | | | | |
|  | **Học phần tiên quyết:** | | Không | | | | | |
|  | **Giảng viên biên soạn:** | | TS. Phạm Hồng Mạnh | | | | | |
|  | **Bộ môn quản lý:** | | Kinh tế học | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **2.** | **Mô tả:** | | | | | | | |
|  | Là học phần lý thuyết kinh tế cung cấp cho học viên cao học ngành kinh tế những kiến thức nâng cao về: (i) Lý thuyết về mối quan hệ giữa hệ thống kinh tế, môi trường tài nguyên và phát triển bền vững; (ii) các phương pháp kinh tế dùng để phân tích các vấn đề môi trường dựa trên quan điểm hiệu quả; (iii) Các phương pháp đánh giá về giá trị môi trường và tài nguyên thiên nhiên, (iv) những công cụ kinh tế chủ yếu quản lý môi trường như: thuế, trợ cấp....; (v) Lý thuyết về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên (tái tạo và không tái tạo) nhằm giúp người học hình thành năng lực và tư duy phân tích cho các chính sách phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường hiện nay. | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **3.** | **Mục tiêu:** | | | | | | | |
|  | Học phần này nhằm mục đích cung cấp cho học viên (1) Hiểu bản chất và ứng dụng được những lý thuyết của kinh tế môi trường và tài nguyên thiên nhiên vào thực tiễn công tác quản lý, hoạch định chính sách phát triển; (2) Phát triển kỹ năng thiết kế, thẩm định, thực hiện và đánh giá các chính sách môi trường; (3) Khả năng áp dụng các kiến thức của môn học để phân tích và đánh giá các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên hiện nay | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **4.** | **Kết quả học tập mong đợi:** | | | | | | | |
|  | Sau khi học xong học phần, học viên có thể: | | | | | | | |
| 1) | Hiểu rõ các khái niệm, nguyên lý và phương pháp phân tích lý thuyết của kinh tế môi trường và tài nguyên thiên nhiên, ý nghĩa và vai trò nên tảng của nó đối với chuyên ngành đào tạo. | | | | | | | |
| 2) | Sử dụng các kiến thức để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề về chính sách kinh tế và môi trường hiện nay. | | | | | | | |
| 3) | Sử dụng các kiến thức được trang bị để có phát triển kỹ năng thiết kế, thẩm định, thực hiện và đánh giá các chính sách môi trường | | | | | | | |
| **5.** | **Nội dung:** | | | | | | | |
| **TT** | **Chủ đề** | | | | **Nhằm đạt KQHT** | **Số tiết** | | |
| **LT** | | **TH** |
| 1.  1.1  1.2  1.3  1.4 | **Chuyên đề 1: Tổng quanvề kinh tế tài nguyên môi trường: Phương pháp tiếp cận**  Quan điểm kinh tế về nguyên nhân gây ra các vấn đề môi trường.  Vai trò của các động cơ khuyến khích trong việc giải quyết các vấn đề môi trường.  Ngoại Tác và quyền sở hữu.  Phân tích lợi ích chi phí là công cụ để quản lý môi trường | | | | *(1), (2)* | 3 | |  |
| 2.  2.1.  2.2.  2.3.  2.4.  2.5.  2.6.  . | **Chuyên đề 2: Mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường**  Dòng chu chuyển của hoạt động kinh tế.  Mô hình cân bằng vật chất: mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế và môi trường thiên nhiên.  Các loại chất gây ô nhiễm.  Các vấn đề môi trường và tài nguyên: mối quan tâm toàn cầu  Phát triển bền vững | | | | (1), (2) | **4** | |  |
| 3  3.1  3.2.  3.3.  3.4.  3.5.  3.6. | **Chuyên đề 3: Kinh tế học ô nhiễm**  Mức ô nhiễm tối ưu  Định lý Coase và quyền tài sản  Tiêu chuẩn môi trường  Thuế và trợ cấp  Giấy phép thải có thể chuyển nhượng  Đánh giá công cụ và chính sách môi trường | | | | (1), (2) | **6** | |  |
| 4.  4.1.  4.2. | **Chuyên đề 4: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học phúc lợi**  Hiệu quả và thị trường: Lợi ích và chi phí  Xác định và đo lường sự thay đổi phúc lợi | | | | (1), (2) | **5** | |  |
| 5  5.1.  5.2.  5.3.  5.4.  5.5.  5.6.  5.7. | **Chuyên đề 5: Phương pháp đánh giá giá trị môi trường**  Tại sao phải đánh giá giá trị môi trường.  Tổng quan về các phương pháp đánh giá giá trị môi trường.  Các phương pháp thị trường.  Phương pháp chi phí du hành.  Phương pháp đánh giá hưởng thụ.  Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên.  Phương pháp chuyển đổi giá trị. | | | | (2), (3) | **6** | |  |
| 6.  6.1.  6.2.  6.3.  6.4. | **Chuyên đề 6: Kinh tế học tài nguyên thiên nhiên**  Lý thuyết sử dụng tài nguyên tài tái tạo  Nghiên cứu điển hình: Tài nguyên rừng và Thủy sản  Lý thuyết sử dụng tài nguyên không tái tạo  Nghiên cứu điển hình: | | | | (2), (3) | **6** | |  |
|  | | | | | | | | |
| **6.** | **Học liệu:** | | | |  | | | |
| 1) | Field B. and N. Olewiler (2009), *Environmental Economics*, Updated 3nd Canadian edition, McGraw-Hill Ryerson Limited, Canada. | | | | | | | |
| 2) | Freeman, Myrick.A. (2003), *The Measurement of Environmental and Resource Values: Theory and Methods,* 2nd edition. Washington, DC: Resources for the Future. | | | | | | | |
| 3) | Tietenberg, T. (2003), *Environment and Natural Resource Economics*, 6th edition: Addison Wesley Publishing. | | | | | | | |
| 4) | Perman, R., Ma, Y. McGil Vray, J. and Common, M. (1999), *Natural Resources and Environmental Economics*, Pearson Eduacation Limited. | | | | | | | |
| 5) | Hartwick, J. and Olewiler, N. (1998), *The Economics of Natural Resource Use*, 2nd edition. Reading, MA: Addison-Wesley. | | | | | | | |
| 6) | OECD (1995), *The Economic Appraisal of Environmental Projects and Policies: A Practical Guide*, OECD Publishing. | | | | | | | |
| 7) | Panayotou, T. (1993), *Green Markets: The Economics of Sustainable Development,* San Francisco: ICS Press for the International Center for Economic Growth. | | | | | | | |
|  |  | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **7.** | **Kiểm tra và Đánh giá:** | | | | | | | |
| **TT** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | **Nhằm đạt KQHT** | | **Trọng số (**%) | |
| 1. | Kiểm tra thường xuyên (lớp < 15 HV), (vấn đáp)  Hoặc kiểm tra giữa kỳ (lớp > 15 HV), (viết) | | | | 1,2 | | 10 | |
| 2. | Đồ án học phần | | | | 1, 2,3 | | 20 | |
| 3. | Thi kết thúc học phần (viết) | | | | 1, 2,3 | | 70 | |
|  | | | | | | | | |
| **Giảng viên biên soạn:** | | | | | | | | |
| **Họ và tên** | | **Chức danh, học vị** | | | **Chữ ký** | | | |
| Phạm Hồng Mạnh | | Tiến sĩ | | |  | | | |
| **Ngày cập nhật cuối cùng: 5 / 04 /2018** | | | | | | | | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_